

# Quy tắc thêm s/ es trong tiếng Anh

Thêm s và es trong hai trường hợp sau:

TH1: Thêm s/ es vào động từ khi chia ở ngôi số ít của thì hiện tại đơn

TH2: Thêm s/ es vào danh từ có quy tắc ở dạng số nhiều.

Quy tắc thêm s/ es cho các từ trong tiếng Anh

- Quy tắc 1: Thêm es vào các động từ và danh từ có đuôi là **o, ch, s, x, sh, z. (O Chanh Sợ Xấu Shợ Zà).**  
Ví dụ: Brush >> Brushes; do >> does...
- Quy tắc 2: Chuyển y thành i và thêm es vào các động từ và danh từ có đuôi là phụ âm + y.  
Ví dụ: Study >> studies, Fry >> Fries...
- Quy tắc 3: Giữ nguyên y và thêm s vào các danh từ, động từ có đuôi là nguyên âm (a, o, e, u, i) + y.  
Ví dụ: Stay >> Stays, Play >> Plays...
- Ngoài ra các trường hợp còn lại sẽ thêm s như bình thường.

## 3 quy tắc phát âm s và es

- Quy tắc 1: Phát âm là /iz/ với từ kết thúc bằng /s/, /z/, /tʃ/, /ʃ/, /dʒ/, /ʒ/  
(Sao Zắc Chăng Sợ d3ó zông)  
Vd: buses, watches
- Quy tắc 2: Phát âm là /s/ với từ kết thúc bằng: /t/, /p/, /k/, /f/, /θ/  
(tiền pay khắp phổ thị)  
Vd: wants, caps
- Quy tắc 3: Phát âm là /z/ với các từ còn lại  
Vd: zoos,

**Exercise 1: Choose the word whose underlined part is pronounced different from the others.**

- |                                                                    |                                                                     |                                                                        |                                                                     |
|--------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------|
| 1. A. watch <u>e</u> s<br>B. go <u>e</u> s<br>C. dish <u>e</u> s   | 11. A. clos <u>e</u> s<br>B. watch <u>e</u> s<br>C. tri <u>e</u> s  | 21. A. leav <u>e</u> s<br>B. kiss <u>e</u> s<br>C. giv <u>e</u> s      | 31. A. giv <u>e</u> s<br>B. miss <u>e</u> s<br>C. wash <u>e</u> s   |
| 2. A. talk <u>s</u><br>B. read <u>s</u><br>C. play <u>s</u>        | 12. A. pass <u>e</u> s<br>B. rush <u>e</u> s<br>C. jump <u>s</u>    | 22. A. sing <u>s</u><br>B. talk <u>s</u><br>C. smil <u>e</u> s         | 32. A. bus <u>e</u> s<br>B. box <u>e</u> s<br>C. book <u>s</u>      |
| 3. A. fix <u>e</u> s<br>B. lik <u>e</u> s<br>C. wash <u>e</u> s    | 13. A. se <u>e</u> s<br>B. drin <u>k</u> s<br>C. run <u>s</u>       | 23. A. laugh <u>s</u><br>B. work <u>s</u><br>C. lov <u>e</u> s         | 33. A. meet <u>s</u><br>B. run <u>s</u><br>C. rid <u>e</u> s        |
| 4. A. cut <u>s</u><br>B. stop <u>s</u><br>C. cri <u>e</u> s        | 14. A. watch <u>e</u> s<br>B. finis <u>h</u> e<br>C. cri <u>e</u> s | 24. A. start <u>s</u><br>B. stop <u>s</u><br>C. kiss <u>e</u> s        | 34. A. liv <u>e</u> s<br>B. leav <u>e</u> s<br>C. lik <u>e</u> s    |
| 5. A. book <u>s</u><br>B. bag <u>s</u><br>C. map <u>s</u>          | 15. A. sleep <u>s</u><br>B. liv <u>e</u> s<br>C. laugh <u>s</u>     | 25. A. brush <u>e</u> s<br>B. believ <u>e</u> s<br>C. wash <u>e</u> s  | 35. A. play <u>s</u><br>B. danc <u>e</u> s<br>C. sing <u>s</u>      |
| 6. A. catch <u>e</u> s<br>B. match <u>e</u> s<br>C. hat <u>e</u> s | 16. A. miss <u>e</u> s<br>B. liv <u>e</u> s<br>C. danc <u>e</u> s   | 26. A. wait <u>s</u><br>B. walk <u>s</u><br>C. say <u>s</u>            | 36. A. tri <u>e</u> s<br>B. enjo <u>y</u> s<br>C. lik <u>e</u> s    |
| 7. A. pen <u>s</u><br>B. book <u>s</u><br>C. cup <u>s</u>          | 17. A. cri <u>e</u> s<br>B. buy <u>s</u><br>C. fix <u>e</u> s       | 27. A. need <u>s</u><br>B. plant <u>s</u><br>C. develop <u>s</u>       | 37. A. eat <u>s</u><br>B. play <u>s</u><br>C. tak <u>e</u> s        |
| 8. A. writ <u>e</u> s<br>B. hid <u>e</u> s<br>C. rid <u>e</u> s    | 18. A. bak <u>e</u> s<br>B. fl <u>i</u> es<br>C. help <u>s</u>      | 28. A. touch <u>e</u> s<br>B. achiev <u>e</u> s<br>C. finis <u>h</u> e | 38. A. finis <u>h</u> e<br>B. catch <u>e</u> s<br>C. sing <u>s</u>  |
| 9. A. teach <u>e</u> s<br>B. chang <u>e</u> s<br>C. cri <u>e</u> s | 19. A. help <u>s</u><br>B. walk <u>s</u><br>C. bak <u>e</u> s       | 29. A. drin <u>k</u> s<br>B. run <u>s</u><br>C. fl <u>i</u> es         | 39. A. push <u>e</u> s<br>B. match <u>e</u> s<br>C. drin <u>k</u> s |
| 10. A. play <u>s</u><br>B. run <u>s</u><br>C. hop <u>s</u>         | 20. A. box <u>e</u> s<br>B. fix <u>e</u> s<br>C. car <u>e</u> s     | 30. A. stay <u>s</u><br>B. bring <u>s</u><br>C. crop <u>s</u>          | 40. A. talk <u>s</u><br>B. wash <u>e</u> s<br>C. stop <u>s</u>      |